TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/DS-ST
Ngày: 16-6-2021
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: (không có).

Ngày 16 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: số 206/2, ấp An Hòa, xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1968.

Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: ấp An Thạnh, xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

(Chị L, có mặt; Anh K vắng mặt; Chị U có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2021, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Vào ngày 07/01/2020 âm lịch (ngày 31/01/2020 dương lịch), chị L có cho anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị U vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất 5%/tháng. Khi vay tiền thì anh K và chị U có viết biên nhận giao cho chị L để làm tin, đồng thời, có đưa cho chị L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Nguyễn Văn K đại diện hộ gia đình đứng tên

Từ khi vay tiền cho đến nay, anh K và chị U không đóng lãi và cũng không trả lại tiền vốn vay cho chị L khi đến hạn.

Nay chị L yêu cầu anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị U cùng chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho chị số tiền vốn vay còn nợ là 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/01/2020 âm lịch (ngày 31/01/2020 dương lịch) cho đến ngày xét xử, mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh K và chị U mà chị L đang giữ thì khi nào anh K, chị U trả xong tiền thì chị sẽ giao trả lại.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn K vắng mặt.

Tại Bản tự khai ngày 05/4/2021, bị đơn là anh Nguyễn Văn K trình bày:

Anh K và chị Nguyễn Thị U là vợ chồng. Anh K thừa nhận, anh và vợ là chị Nguyễn Thị U có vay của chị Nguyễn Thị Thanh L số tiền 50.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 8%/tháng, đồng thời vợ chồng anh có giao cho chị L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay số tiền nói trên.

Anh K thừa nhận, "Biên nhận ngày 31/01/2020 dương lịch, nhằm ngày 07/01/2020 âm lịch" là do anh viết, đồng thời anh và chị U ký tên.

Nay anh K và chị U cũng đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị Thanh L số tiền vốn vay còn nợ là 50.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng và xin bỏ lãi.

Riêng về các tiền lãi trước đây anh K và chị U đã đóng thì xem như xong, không tranh chấp.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh K đại diện đứng tên, hiện chị L đang giữ thì anh K và chị U không có yêu cầu gì, khi nào trả hết nợ thì sẽ lấy lại, không có tranh chấp gì.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị U có đơn xin vắng mặt:

Tại bản tự khai ngày 06/4/2021, chị Nguyễn Thị U trình bày:

Chị U thống nhất theo lời trình bày của anh Nguyễn Văn K. Chị U cũng đồng ý cùng anh K trả cho chị Nguyễn Thị Thanh L số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và các bị đơn không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã tiến hành các thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho các bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn là có căn cứ và đúng với quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về chứng cứ trong vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn có ý kiến thừa nhận như sau: "đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị Thanh L số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng nhưng xin trả dần bằng cách mỗi tháng trả 4.000.000 đồng đến khi xong".

Bên cạnh đó, bị đơn là anh Nguyễn Văn K cũng thừa nhận: "Biên nhận ngày 31/01/2020 dương lịch, nhằm ngày 07/01/2020 âm lịch, là do anh viết, đồng thời anh và chị U ký tên"

Xét thấy, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, giữa nguyên đơn và các bị đơn đã có giao dịch về tài sản dưới hình thức vay tài sản là có thật. Tuy nhiên, từ khi vay cho đến nay, dù đã đến hạn trả nợ nhưng các bị đơn không thanh toán số tiền tiền vốn vay còn nợ là 50.000.000 đồng cho nguyên đơn là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu tính lãi từ ngày 31/01/2020 cho đến ngày xét xử

Xét thấy, ý kiến của nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số tiền còn nợ là 50.000.000 đồng, mức lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 31/01/2020 cho đến ngày 16/6/2021 (ngày xét xử) là chính đáng và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Mức tiền lãi được tính theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cụ thể như sau:

50.000.000 đồng x (10%/năm : 12 tháng) x 01 năm 04 tháng 16 ngày) = **6.861.000 đồng. (số tròn).**

[5] Đối với ý kiến của các bị đơn xin trả dần, do nguyên đơn không đồng ý và cũng không có căn cứ pháp luật, cho nên, Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến này của bị đơn được.

Đối với ý kiến của các bị đơn cho rằng có đóng lãi cho nguyên đơn, tuy nhiên, do các bị đơn không tranh chấp hay không có yêu cầu gì nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử đặt ra để giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này, các bị đơn có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí DSST: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, Điều 92, Điều 147, khoản 2, Điều 227, khoản 1, khoản 3, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh L.

Buộc anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị U cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thanh L số tiền vốn vay còn nợ là 50.000.000 đồng và 6.861.000 đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 16/6/2021, cộng chung là **56.861.000 đồng (năm mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi mốt ngàn đồng)**.

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thanh L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)** theo biên lai thu số 0009699 ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị U phải cùng chịu **2.843.000 đồng (hai triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn đồng)** tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án xử công khai, chị Nguyễn Thị Thanh L có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Anh Nguyễn Văn K không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng.

Chị Nguyễn Thị U không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án do có đơn xin vắng mặt.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực để thi hành và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hải Duy